

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toản, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CHO KỲ KẾ TOÁN 06 THÁNG KẾT THÚC

NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (riêng) tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	12 – 51

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính (riêng) cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 đã được soát xét.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 15/11/2010, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 8 điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 19 tháng 8 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn Upcom tại sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 764/QĐ-SGDHN ngày 15/11/2019. Mã chứng khoán của Công ty là DRG.

Vốn điều lệ: 1.558.000.000.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 30/06/2024: 1.558.000.000.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại : (+84) (0262) 3865015
- Fax : (+84) (0262) 3865041
- Email : caosu@dng.vnn.vn; caosu@dakruco.com
- Website : <http://www.dakruco.com>

Đơn vị trực thuộc: Công ty có 9 đơn vị trực thuộc (trong đó có 07 đơn vị hạch toán báo sổ và 02 đơn vị hạch toán phụ thuộc).

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	Chi nhánh Nông trường 19/8	Km 13+500 Quốc lộ 27 - Xã Ea B' hok - Huyện Cư Kuin
2.	Chi nhánh Nông trường Cuor Đăng	Xã Ea D'rong - Huyện Cư M'gar - Tỉnh Đắk Lắk
3.	Chi nhánh Nông trường Cư K'pô	Xã Cư K'pô - Huyện Krông Búk - Tỉnh Đắk Lắk
4.	Chi nhánh Nông trường Cư Bao	Thôn 8 - Xã Cư Bao - Thị xã Buôn Hồ -Tỉnh Đắk Lắk
5.	Chi nhánh Nông trường Phú Xuân	Km 20 Quốc lộ 14 - Xã Ea D'rong - Huyện Cư M'gar
6.	Chi nhánh Nông trường Cư M'gar	Km 20 tỉnh lộ 8 - Xã Ea KPam - Huyện Cư M'gar
7.	Nhà máy chế biến mủ cao su	Xã Ea D'rong - Huyện Cư M'gar - Tỉnh Đắk Lắk
8.	Chi nhánh khách sạn Dakruco	30 Nguyễn Chí Thanh, TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
9.	Nhà máy chế biến chi thun	Lô B35 - B36 Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

3. Lĩnh vực kinh doanh: Công ty hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, sản xuất mủ cao su, chi thun và kinh doanh lưu trú.

4. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng cây cao su; Trồng cây ăn quả;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: chế biến cao su;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch;
- Hoạt động thể thao khác. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm vui chơi, giải trí, thể thao văn hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày: 30 tháng 06 năm 2024

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (ăn uống, nước giải khát, rượu, bia, thuốc lá);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao).
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê phương tiện vận tải)...

5. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

5.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch	24/11/2023	
Ông Nguyễn Độ	Thành viên	24/11/2023	
Ông Nguyễn Minh	Thành viên	24/11/2023	
Ông Nguyễn Văn Cúc	Thành viên	24/11/2023	
Ông Nguyễn Trần Giang	Thành viên	24/11/2023	
Ông Tạ Quang Tòng	Thành viên	24/11/2023	
Ông Nguyễn Văn Thông	Thành viên	28/06/2024	
Ông Bùi Quang Ninh	Thành viên	24/11/2023	28/06/2024

5.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng ban	24/11/2023	
Ông Phan Thanh Tân	Thành viên	24/11/2023	
Bà Nguyễn Thị Mai Quyên	Thành viên	24/11/2023	

5.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh	Tổng Giám đốc	15/08/2024	
	Phó Tổng Giám đốc	25/11/2023	15/08/2024
Ông Nguyễn Độ	Phó Tổng Giám đốc	25/11/2023	
Ông Nguyễn Trần Giang	Kế toán trưởng	25/11/2023	
Ông Bùi Quang Ninh	Tổng Giám đốc	25/11/2023	15/08/2024

6. Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	24/11/2023	
Ông Nguyễn Minh	Tổng Giám đốc	15/08/2024	
Ông Bùi Quang Ninh	Tổng Giám đốc	25/11/2023	15/08/2024

7. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 51.

8. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng Quản trị Công ty đã có Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 15/08/2024 về miễn nhiệm cán bộ. Theo đó, miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc với ông Bùi Quang Ninh kể từ ngày 15/08/2024. Cùng ngày, Hội đồng Quản trị Công ty đã có Quyết định số 19/QĐ-HĐQT bổ nhiệm ông Nguyễn Minh – Phó Tổng Giám đốc Công ty giữ chức vụ Tổng Giám đốc và người đại diện theo pháp luật thứ hai của Công ty kể từ ngày 15/08/2024, thời hạn bổ nhiệm theo thời hạn của Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ 2023 – 2028.

9. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Công ty.

10. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ (riêng), tình hình hoạt động giữa niên độ (riêng) của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

11. Thông tin khác

Ngày 17/04/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đắk Lắk đã có quyết định số 104/QĐ-CSĐT về việc khởi tố bị can đối với ông Bùi Quang Ninh, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk về tội: Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí xảy ra năm 2002-2012 tại Công ty cao su Đắk Lắk (trước khi cổ phần hóa).

Đến nay, sự việc nêu trên vẫn chưa có kết luận cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

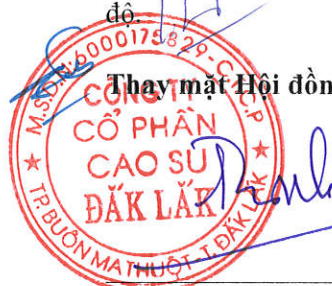
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

12. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm đính kèm. Báo cáo tài chính (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (riêng) của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Hội đồng quản trị

NGUYỄN VIỆT TƯỢNG

Chủ tịch HĐQT

Đắk Lắk, Ngày 28 tháng 08 năm 2024



Số: 36/2024/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 08 năm 2024, từ trang 08 đến trang 51, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (riêng) tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (riêng), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính (riêng) của Công ty tại ngày 30/06/2024, và kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và lưu chuyển tiền tệ (riêng) của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024 theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh số VIII.3 về việc Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đắk Lắk đã có quyết định số 104/QĐ-CSĐT ngày 17/04/2024 về việc khởi tố bị can đối với Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk về tội: Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí xảy ra năm 2002-2012 tại Công ty cao su Đắk Lắk (trước khi cổ phần hóa). Đến nay, sự việc này vẫn chưa có kết luận cụ thể.

Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo soát xét rằng, phạm vi của báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) này chỉ phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ (riêng) và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (riêng) và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024. Việc hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) của Công ty với các công ty con không thuộc phạm vi báo cáo này.

TP. Đà Nẵng, ngày 28 tháng 08 năm 2024

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - VIETVALUES



Huỳnh Minh Hưng - Phó Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNĐKHN số: 3402-2020-071-1

Chữ ký được uỷ quyền

Nơi nhân:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (riêng)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ (tại ngày 30/06/2024)	Số đầu kỳ (tại ngày 01/01/2024)
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		199.951.773.656	170.321.283.439
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	101.113.792.057	41.059.892.311
111	1. Tiền		101.113.792.057	41.059.892.311
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		11.110.852.000	19.046.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	11.110.852.000	19.046.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		25.023.675.307	24.910.707.768
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	31.861.611.531	33.826.101.059
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	7.589.612.753	7.458.986.503
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	6.243.321.683	4.296.490.866
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(20.670.870.660)	(20.670.870.660)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	62.192.337.216	84.952.051.582
141	1. Hàng tồn kho		62.192.337.216	85.561.454.515
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	(609.402.933)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		511.117.076	352.631.778
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8.1	493.473.560	339.669.637
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.17	17.643.516	12.962.141
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.190.654.379.995	2.218.626.107.038
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		693.082.735	886.788.696
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	V.9	3.075.938.535	3.269.644.496
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(2.382.855.800)	(2.382.855.800)
220	II. Tài sản cố định		653.122.211.167	623.864.120.879
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	633.506.293.252	603.261.377.661
222	- Nguyên giá		1.295.655.930.797	1.241.050.929.264
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(662.149.637.545)	(637.789.551.603)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	19.615.917.915	20.602.743.218
228	- Nguyên giá		21.943.514.573	22.900.339.876
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.327.596.658)	(2.297.596.658)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		664.443.015.839	677.953.007.559
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	V.12	6.647.304.834	5.126.146.115
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	657.795.711.005	672.826.861.444
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.14	863.511.176.572	905.860.341.570
251	1. Đầu tư vào công ty con		836.133.024.630	878.482.189.628
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		7.965.447.149	7.965.447.149
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		19.514.377.049	19.514.377.049
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(101.672.256)	(101.672.256)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		8.884.893.682	10.061.848.334
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8.2	8.884.893.682	10.061.848.334
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.390.606.153.651	2.388.947.390.477

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (riêng) (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ (tại ngày 30/06/2024)	Số đầu kỳ (tại ngày 01/01/2024)
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		745.908.623.717	743.376.457.946
310	I. Nợ ngắn hạn		555.112.973.986	530.598.143.415
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.15	54.268.381.858	52.533.929.092
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.16	25.072.278.926	11.436.033.396
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.17	87.642.394.494	81.964.677.213
314	4. Phải trả người lao động	V.18	32.387.970.634	39.194.944.018
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.19	5.393.513.010	8.641.435.563
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.20	16.844.409.829	14.060.814.397
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.21.1	92.504.796.465	85.972.676.929
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.22.1	198.496.209.806	197.731.815.134
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	4.400.000.000
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.23	42.503.018.964	34.661.817.673
330	II. Nợ dài hạn		190.795.649.731	212.778.314.531
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.21.2	87.793.138.422	87.871.378.422
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.22.2	101.744.518.835	123.648.943.635
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.257.992.474	1.257.992.474
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.644.697.529.934	1.645.570.932.531
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.24	1.644.697.529.934	1.645.570.932.531
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		38.093.910.491	31.558.179.038
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		48.603.619.443	56.012.753.493
421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		38.424.496.542	34.226.981.984
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		10.179.122.901	21.785.771.509
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.390.606.153.651	2.388.947.390.477

Người lập biểu



LÊ THANH BÌNH

Kế toán trưởng



NGUYỄN TRẦN GIANG

Tổng Giám đốc



NGUYỄN MINH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	201.749.232.411	181.888.686.992
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	-	183.227.800
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		201.749.232.411	181.705.459.192
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	197.673.457.705	170.778.313.251
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.075.774.706	10.927.145.941
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	35.181.501.418	23.024.914.622
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	14.714.001.487	16.735.053.846
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		13.806.110.571	14.751.371.824
25	8. Chi phí bán hàng	VI.6	4.481.225.277	6.989.300.802
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	7.558.849.882	10.837.430.130
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12.503.199.478	(609.724.214)
31	11. Thu nhập khác	VI.8	1.872.940.888	4.821.170.930
32	12. Chi phí khác	VI.9	4.197.017.465	562.378.295
40	13. Lợi nhuận khác		(2.324.076.577)	4.258.792.635
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.179.122.901	3.649.068.421
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.17	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		10.179.122.901	3.649.068.421
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10		-
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10		

Người lập biểu

LÊ THANH BÌNH

Kế toán trưởng

NGUYỄN TRẦN GIANG

Buôn Ma Thuột, ngày 28 tháng 08 năm 2024
Tổng Giám đốc

NGUYỄN MINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		228.447.944.248	223.740.637.063
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(69.586.136.237)	(62.239.681.495)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(63.926.624.235)	(65.998.948.398)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	V.19;V1.4	(14.866.976.167)	(9.623.243.621)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.17	-	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		12.633.869.523	(186.471.831)
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(58.479.625.148)	(55.552.887.577)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		34.222.451.984	30.139.404.141
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(39.642.580.086)	(33.215.721.979)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		2.195.509.330	23.572.913.314
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	(9.046.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		8.128.853.961	33.159.008
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		60.279.575.530	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	V.5;V1.3	15.130.408.951	20.058.625.103
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		46.091.767.686	1.402.975.446
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ di vay	VII.1	184.397.102.896	208.917.707.233
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(205.537.133.024)	(233.858.927.818)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(21.140.030.128)	(24.941.220.585)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		59.174.189.542	6.601.159.002
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		41.059.892.311	36.921.855.267
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		879.710.204	293.765.317
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	101.113.792.057	43.816.779.586

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Buôn Ma Thuột ngày 28 tháng 08 năm 2024
Tăng Giám đốc

LÊ THANH BÌNH

NGUYỄN TRẦN GIANG

NGUYỄN MINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần, được chuyển đổi cổ phần hóa theo quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 15/11/2010, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 19 tháng 8 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 764/QĐ-SGDHN ngày 15/11/2019. Mã chứng khoán của Công ty là DRG.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp cao su, kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Trồng cây cao su; Trồng cây ăn quả;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: chế biến cao su;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch;
- Hoạt động thể thao khác. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm vui chơi, giải trí, thể thao văn hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (ăn uống, nước giải khát, rượu, bia, thuốc lá);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao).
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê phương tiện vận tải)...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo Nghị quyết số 08/NQ-HDQT ngày 22/05/2024 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã triển khai việc thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (DRI). Cụ thể, Công ty dự kiến thoái 30,6% vốn điều lệ tại DRI, tương đương với 22.399.200 cổ phiếu. Tính đến ngày 30/06/2024, Công ty đã bán được 4.212.500 cổ phiếu, thu về khoản lãi từ việc bán chứng khoán là 17.908.225.002 đồng; Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ lợi ích của Công ty tại DRI đã giảm từ 66,60% vào ngày 01/01/2024 xuống còn 60,84% vào ngày 30/06/2024. Do ảnh hưởng của giao dịch này, mặc dù doanh thu 6 tháng đầu năm 2024 chỉ tăng 11% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận trước thuế của Công ty tăng gấp 2,8 lần cùng kỳ năm trước.

Ngoài ra không có sự kiện nào khác về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2024, Công ty có 03 công ty con, 02 công ty liên kết, 02 công ty đầu tư dài hạn khác và 09 đơn vị trực thuộc. Thông tin khái quát về các công ty con, công ty liên kết, công ty đầu tư dài hạn và các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Các Công ty con

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày 30/06/2024			Tại ngày 01/01/2024		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	59 Cao Thắng - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk - Việt Nam	Trồng cây công nghiệp - chế biến	60,84%	60,84%	60,84%	66,60%	66,60%	66,60%
2.	Công ty CP Cao su Đắknoruco	Thôn 13, xã Đắk Lao, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	Trồng, chăm sóc cây cao su và chế biến mủ cao su	73,40%	73,40%	73,40%	73,40%	73,40%	73,40%
3.	Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk – Mondolkiri	Phun Chrey Sen, Sangkat Monorom, Mondolkiri, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc cây cao su; khai thác, chế biến mủ cao su	100%	100%	100%	100%	100%	100%

Các công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày 30/06/2024			Tại ngày 01/01/2024		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Km 18 - Thôn Đoàn Kết - Xã Ea D'Rơng - Huyện Cư M'gar - Tỉnh Đắk Lắk	Dịch vụ tư vấn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ về trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su; Sản xuất nước uống đóng chai; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	28,79%	28,79%	28,79%	28,79%	28,79%	28,79%
2.	Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	Km19, Quốc lộ 14, Xã Ea D'rong, Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Khai thác gỗ; Chế biến các sản phẩm từ gỗ; Chế biến tinh chế đồ gỗ gia dụng	45,10%	45,10%	45,10%	45,10%	45,10%	45,10%

Công ty đầu tư dài hạn khác

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày 30/06/2024			Tại ngày 01/01/2024		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Cao su Thái Dương	Đường số 7, KCN Tân Tạo, Bình Tân, TPHCM	Sản xuất kinh doanh sản phẩm cao su cho ngành cấp thoát nước; thăm cho bò nầm; phụ tùng cao su kỹ thuật bao gồm: sản xuất đồ chơi cho thú cưng và sản phẩm cao su màu	12,50%	12,50%	12,50%	12,50%	12,50%	12,50%
2.	Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk	30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	Hoạt động tín dụng và các dịch vụ ngân hàng khác	10,90%	10,90%	10,90%	10,90%	10,90%	10,90%

Các đơn vị trực thuộc

TT	Tên Công ty	Hạch toán	Địa chỉ
1.	Chi nhánh Nông trường 19/8	Báo sổ	Km 13+500 Quốc lộ 27 - Xã Ea Bhôk - Huyện Cư Kuin
2.	Chi nhánh Nông trường Cuôr Đăng	Báo sổ	Xã Ea D'rong - Huyện Cư M'gar - Tỉnh Đắk Lắk
3.	Chi nhánh Nông trường Cư Kpô	Báo sổ	Xã Cư Kpô - Huyện Krông Búk - Tỉnh Đắk Lắk
4.	Chi nhánh Nông trường Cư Bao	Báo sổ	Thôn 8 - Xã Cư Bao - Thị xã Buôn Hồ -Tỉnh Đắk Lắk
5.	Chi nhánh Nông trường Phú Xuân	Báo sổ	Km 20 Quốc lộ 14 - Xã Ea D'rong - Huyện Cư M'gar
6.	Chi nhánh Nông trường Cư M'gar	Báo sổ	Km 20 tỉnh lộ 8 - Xã Ea Kpam - Huyện Cư M'gar
7.	Nhà máy chế biến mủ cao su	Báo sổ	Xã Ea D'rong - Huyện Cư M'gar - Tỉnh Đắk Lắk
8.	Chi nhánh khách sạn Dakruco	Phụ thuộc	30 Nguyễn Chí Thanh - TP.Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk
9.	Nhà máy chế biến chỉ thun	Phụ thuộc	Lô B35 - B36 Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

8. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1.949 nhân viên đang làm việc. (Tại ngày 31/12/2023 là 2.013 nhân viên).

II. **NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Riêng Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. **CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
Theo đó, bảng cân đối kế toán (riêng) tại ngày 30/06/2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng), báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) và các thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;
- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Lợi thế tiền thuê đất trả trước

Lợi thế tiền thuê đất trả trước thể hiện giá trị lợi thế khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng được xác định lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại ngày 30/09/2016 theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước khu vực 12. Lợi thế tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê còn lại (315 tháng) tính từ ngày Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Từ ngày 01/10/2018 đến 31/12/2044).

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải	05 – 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 – 09
Vườn cây lâu năm	20

Riêng khấu hao TSCĐ đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp – Bộ Tài chính v/v Trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27/04/2010 của Tập Đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam v/v Ban hành tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm.

Mức trích khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó.

Mức khấu hao năm cuối cùng (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 10 Thông tư 17/2015/TTLT/BNNPTNT-BTC thì giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh không tiến hành trích khấu hao trong thời gian sử dụng vườn cây cao su kinh doanh và sẽ được trích khấu hao một lần tại thời điểm thanh lý vườn cây cao su.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán/chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính/chi phí cho vay và đi vay vốn/Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh/Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác/khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ/lỗ tỉ giá hối đoái...

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	30/06/2024	01/01/2024
Nguyên tệ	VND	VND
- Tiền mặt tại quỹ	1.206.913.342	833.369.804
+ VND	1.206.547.062	833.010.224
+ CAD 20,00 #	366.280	359.580
- Tiền gửi ngân hàng	98.264.228.715	40.226.522.507
+ VND	90.175.674.232	20.477.508.179
+ USD 321.050,95 #	8.088.554.483	19.749.014.328
- Tiền đang chuyển	1.642.650.000	-
Cộng	101.113.792.057	41.059.892.311

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm	11.110.852.000	19.046.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đắk Lắk	10.000.000.000	18.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Đắk Lắk (*)	1.110.852.000	1.046.000.000
Cộng	11.110.852.000	19.046.000.000

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn này đã được dùng làm tài sản thế chấp cho hợp đồng tín dụng hạn mức số 23/0505/AIJ.01/HĐHM ký ngày 11/05/2023 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (xem thuyết minh số V.22).

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	3.757.574.500	3.757.574.500
(Xem thuyết minh số VIII.1)		
Phải thu khách hàng là các đối tượng khác	28.104.037.031	30.068.526.559
- Công ty TNHH Nông Nghiệp Nhất Thống	9.989.067.800	9.989.067.800
- Công ty Cổ phần FURNIWEB (Việt Nam)	4.820.134.719	4.517.981.070
- WEBER-SCHAER	2.937.509.770	6.036.835.392
- Các đối tượng khác	10.357.324.742	9.524.642.297
Cộng	31.861.611.531	33.826.101.059

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	7.589.612.753	7.458.986.503
Công ty TNHH Trúc Phố	4.443.540.077	4.443.540.077
Công ty TNHH Xây dựng Lê Vũ	1.176.293.056	1.176.293.056
Các đối tượng khác	1.969.779.620	1.839.153.370
Cộng	7.589.612.753	7.458.986.503

5. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các đối tượng khác	6.243.321.683	1.026.820.349	4.296.490.866	1.026.820.349
Công ty CP Nông Hữu Thuận Sinh	1.026.820.349	1.026.820.349	1.026.820.349	1.026.820.349
Phải thu nhân viên về BHXH	2.655.501.865	-	872.120.503	-
Tạm ứng	1.637.029.354	-	1.514.951.046	-
Lãi dự thu	379.401.503	-	202.415.463	-
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	65.000.000	-	3.000.000	-
Phải thu khác	479.568.612	-	677.183.505	-
Cộng	6.243.321.683	1.026.820.349	4.296.490.866	1.026.820.349

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2024	01/01/2024
- Công ty TNHH Trúc Phố	4.443.540.077	4.443.540.077
- Công ty Cổ phần Vĩnh Sơn	332.983.444	332.983.444
- Công ty TNHH MTV XD TM Đạt Thành Phát	110.585.973	110.585.973
- Công ty TNHH SX & XD Phú Quý	44.210.873	44.210.873
- Công ty TNHH Xây dựng Lê Vũ	1.176.293.056	1.176.293.056
- Công ty CP Nông Hữu Thuận Sinh	1.026.820.349	1.026.820.349
- Công ty TNHH Quảng cáo Tư Duy RITA	10.018.236	10.018.236
- Công ty CP Chế biến gỗ cao su Đắk Lắk	3.757.574.500	3.757.574.500
- Công ty TNHH Nông Nghiệp Nhất Thống	8.280.696.080	8.280.696.080
- Công ty TNHH Agritechco	962.810.000	962.810.000
- Hợp tác xã Nông nghiệp Hoàng Lộc	433.330.000	433.330.000
- Các đối tượng khác	92.008.072	92.008.072
Cộng	20.670.870.660	20.670.870.660

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK*Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk***BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)***Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)***7. Hàng tồn kho**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	2.201.477.940	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	13.603.115.332	-	16.980.898.261	-
Công cụ, dụng cụ	4.598.921.829	-	5.070.546.492	-
Chi phí SX, KD dở dang	8.854.630.476	-	4.935.513.485	-
Thành phẩm	32.773.259.492	-	58.424.957.579	609.402.933
Hàng hóa	160.932.147	-	149.538.698	-
Cộng	62.192.337.216	-	85.561.454.515	609.402.933

- Nguyên liệu, vật liệu cuối kỳ bao gồm phụ gia dùng chế biến mủ cao su, các vật liệu dùng để đóng gói thành phẩm và một số vật liệu là các loại thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, các nguyên vật liệu khác.
- Công cụ dụng cụ là các loại bảo hộ lao động, kiềng, chén hứng mủ, dây cột kiềng, dây hứng mủ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị mủ nguyên liệu ở nhà máy chế biến tại 30/06/2024 chưa sản xuất ra thành phẩm.
- Thành phẩm là các sản phẩm mủ cao su gồm mủ cốm các loại SVR 5, SVR 10, SVR 20, SVR 3L, SVR CV60, Mủ nước latex HA, chuối.
- Hàng hóa là bia, nước ngọt, hàng lưu niệm ở Khách sạn Dakruco.
- Công ty không có hàng tồn kho kém mất phẩm chất, ứ đọng tại ngày 30/06/2024.
- Công ty không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/06/2024.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**8.1. Ngắn hạn**

	30/06/2024	01/01/2024
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	28.547.810	32.090.822
Chi phí bảo hiểm	21.985.735	177.551.794
Chi phí sửa chữa, thay thế	-	118.678.636
Chi phí trả trước ngắn hạn khác chờ phân bổ	442.940.015	11.348.385
Cộng	493.473.560	339.669.637

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước ngắn hạn:

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Số dư đầu năm	339.669.637	462.598.729
Tăng trong kỳ	613.382.818	1.025.113.778
Phân loại lại	-	-
Phân bổ trong kỳ	(459.578.895)	(635.415.794)
Số dư cuối kỳ	493.473.560	852.296.713

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK*Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk***BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)***Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)***8.2. Dài hạn**

	30/06/2024	01/01/2024
Chi phí sửa chữa, thay thế	2.343.712.711	3.411.867.106
Chênh lệch giá trị quyền thuê đất theo định giá GTDN	4.999.458.809	5.120.047.379
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.122.034.575	1.364.448.970
Chi phí trả trước dài hạn khác chờ phân bổ	419.687.587	165.484.879
Cộng	8.884.893.682	10.061.848.334

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn:

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Số dư đầu năm	10.061.848.334	13.231.407.070
Tăng trong kỳ	588.608.708	874.877.704
Phân loại lại	-	-
Phân bổ trong kỳ	(1.765.563.360)	(2.828.398.936)
Số dư cuối kỳ	8.884.893.682	11.277.885.838

9. Phải thu về cho vay dài hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Phải thu về cho vay dài hạn là các bên liên quan	-	-
Đầu tư cao su liên kết:	3.075.938.535	3.269.644.496
- Nông trường cao su Cư Mgar	2.681.210.228	2.874.916.189
- Nông trường cao su Phú Xuân	363.218.088	363.218.088
- Nông trường cao su Cuôr Đăng	31.510.219	31.510.219
Cộng	3.075.938.535	3.269.644.496

Đây là các khoản phải thu từ việc đầu tư vào các vườn cao su liên kết với các hộ dân. Theo đó, công ty chịu trách nhiệm đầu tư chi phí ban đầu trong giai đoạn kiến thiết cơ bản của vườn cao su, dựa trên từng hợp đồng cụ thể. Thời hạn của hợp đồng kéo dài từ khi ký kết cho đến khi công ty thu hồi toàn bộ giá trị đầu tư hoặc đến khi thanh lý vườn cao su.

Đối với các hộ không có khả năng hoàn trả vốn đầu tư, công ty sẽ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên giá trị vốn đầu tư chưa thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	314.792.937.917	282.367.781.222	68.612.396.681	3.146.375.602	571.443.562.206	687.875.636	1.241.050.929.264
Tăng trong kỳ	167.303.704	158.000.000	-	-	54.351.996.821	-	54.677.300.525
- <i>XDCB hoàn thành</i>	167.303.704	-	-	-	54.351.996.821	-	54.519.300.525
- <i>Mua sắm</i>	-	158.000.000	-	-	-	-	158.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	(68.963.636)	(3.335.356)	-	(72.298.992)
- <i>T/lý, nhượng bán</i>	-	-	-	(68.963.636)	(3.335.356)	-	(72.298.992)
Số cuối kỳ	314.960.241.621	282.525.781.222	68.612.396.681	3.077.411.966	625.792.223.671	687.875.636	1.295.655.930.797
Khấu hao							
Số đầu năm	195.795.243.597	249.458.394.184	47.107.450.496	2.950.569.008	142.224.785.887	253.108.431	637.789.551.603
Tăng trong kỳ	4.586.198.435	5.124.588.411	1.282.230.235	30.986.691	13.378.481.232	28.798.680	24.431.283.684
- <i>Khấu hao</i>	4.586.198.435	5.124.588.411	1.282.230.235	30.986.691	13.378.481.232	28.798.680	24.431.283.684
Giảm trong kỳ	-	-	-	(68.963.636)	(2.234.106)	-	(71.197.742)
- <i>T/lý, nhượng bán</i>	-	-	-	(68.963.636)	(2.234.106)	-	(71.197.742)
Số cuối kỳ	200.381.442.032	254.582.982.595	48.389.680.731	2.912.592.063	155.601.033.013	281.907.111	662.149.637.545
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	119.810.276.847	40.409.877.503	26.096.159.634	358.118.869	413.397.809.532	492.364.565	603.261.377.661
Số cuối kỳ	114.578.799.589	27.942.798.627	20.222.715.950	164.819.903	470.191.190.658	405.968.525	633.506.293.252

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 221.187.535.093 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết chờ thanh lý tại ngày 30/06/2024 là 0 đồng.
- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 30/06/2024 là 324.572.843.164 đồng (xem thuyết minh số V.22).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Công nghệ kiểm phẩm	Hiện giá giá trị thanh lý vườn cây cao su (*)	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.067.596.658	300.000.000	20.532.743.218	22.900.339.876
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	(956.825.304)	(956.825.304)
Số cuối kỳ	2.067.596.658	300.000.000	19.575.917.915	21.943.514.573
Khấu hao				
Số đầu năm	2.067.596.658	230.000.000	-	2.297.596.658
Khấu hao trong kỳ	-	30.000.000	-	30.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	2.067.596.658	260.000.000	-	2.327.596.658
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	70.000.000	20.532.743.218	20.602.743.218
Số cuối kỳ	-	40.000.000	19.575.917.915	19.615.917.915

(*) Khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, Công ty đã đánh giá giá trị vườn cây cao su đang kinh doanh theo quy định tại Thông tư 17/2015/TTLT/BNNPTNT-BTC. Giá trị thực tế của vườn cây cao su đang kinh doanh được xác định dựa vào Giá trị còn lại đã điều chỉnh của vườn cây cao su, Hệ số phân loại vườn cây và Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh.

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 10 Thông tư 17/2015/TTLT/BNNPTNT-BTC, giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh không tiến hành trích khấu hao trong thời gian sử dụng vườn cây cao su kinh doanh và sẽ được trích khấu hao một lần tại thời điểm thanh lý vườn cây cao su.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 2.067.596.658 đồng.
- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 30/06/2024 là 19.575.917.915 đồng (xem thuyết minh số V.22).

12. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí đầu tư phát triển vườn chuối, vườn dứa	6.647.304.834	6.647.304.834	5.126.146.115	5.126.146.115
Cộng	6.647.304.834	6.647.304.834	5.126.146.115	5.126.146.115

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Diện tích (ha)	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Đầu tư trồng cao su	4.004,39	650.947.483.934	643.195.145.406
Nông trường Phú Xuân	1.463,28	254.598.943.214	252.461.852.016
Vườn cây cao su trồng năm 2016	419,29	94.133.847.424	101.186.133.340
Vườn cây cao su trồng năm 2017	387,95	68.488.493.736	64.990.679.559
Vườn cây cao su trồng năm 2018	313,30	49.811.469.130	47.214.226.598
Vườn cây cao su trồng năm 2019	195,10	26.468.278.008	24.736.727.322
Vườn cây cao su trồng năm 2020	70,32	8.359.977.643	7.768.776.989
Vườn cây cao su trồng năm 2021	77,32	7.037.480.906	6.404.113.331
Vườn cây lâm nghiệp năm 2023 FSC		225.108.590	161.194.877
Vườn cây lâm nghiệp năm 2024 FSC		74.287.777	-
Nông trường Cư K'pô	1.481,17	260.454.819.855	264.826.737.703
Vườn cây cao su trồng năm 2015	5,19	1.326.272.622	17.785.543.423
Vườn cây cao su trồng năm 2016	458,43	99.753.967.021	96.191.656.227
Vườn cây cao su trồng năm 2017	321,55	62.009.736.358	59.143.762.073
Vườn cây cao su trồng năm 2018	287,87	44.203.963.693	41.927.759.516
Vườn cây cao su trồng năm 2019	261,49	37.454.439.744	35.237.792.222
Vườn cây cao su trồng năm 2020	146,64	15.706.440.417	14.540.224.242
Nông trường 19/8	85,82	8.812.664.800	8.812.664.800
Vườn cây cao su trồng năm 2017	85,82	8.812.664.800	8.812.664.800
Nông trường Cuôr Đăng	672,47	89.021.533.456	82.478.100.665
Vườn cây cao su trồng năm 2017	80,73	15.909.886.822	15.156.973.383
Vườn cây cao su trồng năm 2020	252,86	33.841.230.056	31.234.963.500
Vườn cây cao su trồng năm 2021	338,88	39.270.416.578	36.086.163.782
Nông trường Cư M'gar	301,65	38.059.522.609	34.615.790.222
Vườn cây cao su trồng năm 2018	38,10	8.384.302.973	7.980.843.622
Vườn cây cao su trồng năm 2019	21,44	3.229.907.591	2.999.299.023
Vườn cây cao su trồng năm 2020	92,54	14.138.563.564	13.109.560.069
Vườn cây cao su trồng năm 2022	121,57	11.800.123.818	10.462.980.308
Vườn cây cao su trồng năm 2024	28,00	410.862.463	
Trồng cây đại rừng năm 2022		95.762.200	63.107.200
Dự án nông nghiệp công nghệ cao		828.270.684	24.724.020.871
18.250 cây cau (trồng xen)		527.997.123	510.437.513
Vườn sầu riêng trồng mới năm 2019		-	23.913.309.797
28.000 cây keo chắn gió		300.273.561	300.273.561
Đầu tư xây dựng cơ bản khác		6.019.956.387	4.907.695.167
Văn phòng công ty		5.003.465.537	4.907.695.167
Sửa chữa lớn NM chế biến mủ		1.016.490.850	-
Cộng		657.795.711.005	672.826.861.444

Giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang dùng để cầm cố, thế chấp tại ngày 30/06/2024 là: 642.134.819.134 VNĐ (xem thuyết minh số V.22)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		30/06/2024		01/01/2024				
		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con		836.133.024.630	-	1.015.269.349.238		878.482.189.628	-	787.052.338.778
- Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk (i)		447.745.029.346	-	574.533.750.000		490.094.194.344	-	370.500.000.000
- Công ty CP Cao su Daknoruco (ii)		19.775.566.455	-	36.460.182.403		19.775.566.455	-	36.421.778.177
- Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk - Mondulkiri (ii)		368.612.428.829	-	404.275.416.835		368.612.428.829	-	380.130.560.601
Đầu tư vào Công ty liên kết		7.965.447.149	(101.672.256)	9.120.498.476		7.965.447.149	(101.672.256)	7.271.769.956
- Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk (iii)		101.672.256	(101.672.256)	-		101.672.256	(101.672.256)	-
- Công ty CP Kỹ thuật Cao su (ii)		7.863.774.893	-	9.120.498.476		7.863.774.893	-	7.271.769.956
Đầu tư vào đơn vị khác		19.514.377.049	-	-		19.514.377.049	-	23.423.788.724
- Công ty CP Cao su Thái Dương (iv)		11.575.299.752	-	-		11.575.299.752	-	13.456.578.820
- Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk (iv)		7.939.077.297	-	-		7.939.077.297	-	9.967.209.904
Cộng		863.612.848.828	(101.672.256)	1.024.389.847.714		905.962.013.826	(101.672.256)	817.747.897.458

- (i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (đã niêm yết trên sàn UpCom) được xác định dựa trên giá đóng cửa của cổ phiếu công ty này tại ngày 30/06/2024.
- Do chưa có thông tin về giá giao dịch, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn còn lại được xác định dựa trên giá trị ghi sổ trên các báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2024 của các Công ty nhận đầu tư. Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn được căn cứ vào số vốn chủ sở hữu thực có trên các Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2024 của các công ty được đầu tư.
- (ii) Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty CP Cao su Daknoruco, Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk – Mondulkiri và Công ty CP Kỹ thuật Cao su có lãi, vốn chủ sở hữu tại các Công ty này vẫn được bảo toàn, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vẫn lớn hơn giá gốc nên không cần trích lập dự phòng tổn thất đối với các khoản đầu tư này.
- (iii) Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk đang chờ giải thể, vốn chủ sở hữu theo Báo cáo tài chính đã bị âm. Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất 100% đối với khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

(iv) Do chưa có thông tin về giá giao dịch và Báo cáo tài chính của Công ty CP Cao su Thái Dương và Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk nên chưa thể xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Thông tin bổ sung

Tình hình hoạt động	30/06/2024		01/01/2024	
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ biểu quyết
Đầu tư vào Công ty con				
- Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	44.537.500	60,84%	48.750.000	66,60%
- Công ty CP Cao su Daknoruco	2.568.100	73,37%	2.568.100	73,37%
- Công ty TNHH cao su Đắk Lắk - Mondulkiri	-	100,00%	-	100,00%
Đầu tư vào Công ty liên kết				
- Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	301.998	45,13%	301.998	45,13%
- Công ty CP Kỹ thuật Cao su	540.000	36,00%	540.000	36,00%
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty CP Cao su Thái Dương	750.000	12,50%	750.000	12,50%
- Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk	-	10,90%	-	10,90%

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con, các công ty liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số VIII.1.

Số cổ phiếu công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk đã được cầm cố thế chấp vay tại ngày 30/06/2024 là 23.402.060 cổ phiếu (Xem thuyết minh số V.22).

11/01/2025 15:55:19

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Phải trả người bán là các bên liên quan	20.681.465.239	19.287.483.757
(Xem thuyết minh số VIII.1)		
Phải trả người bán là các đối tượng khác	33.586.916.619	33.246.445.335
Công ty TNHH SX-TM-DV 999	7.042.254.537	9.485.710.487
Công ty TNHH MTV Vương Khải	5.666.183.325	-
Công ty TNHH MTV Quế Lâm Phương Nam	500.000.000	3.021.110.400
Các đối tượng khác	20.378.478.757	20.739.624.448
Cộng	54.268.381.858	52.533.929.092

Tại ngày 30/06/2024, Công ty không có khoản phải trả người bán nào quá hạn thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	3.708.285.759	-
(Xem thuyết minh số VIII.1)		
Người mua trả tiền trước là các đối tượng khác	21.363.993.167	11.436.033.396
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nguyễn Hoàng (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
Các đối tượng khác	11.363.993.167	1.436.033.396
Cộng	25.072.278.926	11.436.033.396

(*) Khoản ứng trước kinh phí bồi thường tài sản trên đất để thực hiện dự án: Thành phố giáo dục quốc tế Đắk Lắk. Hiện nay dự án này đang tạm dừng do chưa hoàn thiện pháp lý.

Tại ngày 30/06/2024, Công ty không có khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn nào quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	Số dư đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã nộp trong kỳ	Số dư cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp				Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	5.600.398.562	16.968.585.467		20.183.881.215	-	2.385.102.814
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-		-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-		-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	100.792.963	711.226.709		646.485.435	-	165.534.237
Thuế tài nguyên	-	3.723.945	34.488.746		32.735.202	-	5.477.489
Thuế nhà đất	12.962.141	-	-		4.681.014	17.643.155	-
Tiền thuê đất	-	76.258.141.245	20.208.237.296		11.380.098.587	-	85.086.279.954
Các loại thuế khác	-	1.620.498	16.051.402		17.672.261	361	-
Phí và lệ phí	-	-	14.000.000		14.000.000	-	-
Cộng	12.962.141	81.964.677.213	37.952.589.620		32.279.553.714	17.643.516	87.642.394.494

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động như sau:

- Mù cao su, chỉ thun, sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu: áp dụng thuế suất 0%.
- Mù cao su tiêu thụ nội địa: áp dụng thuế suất 5%
- Sản phẩm chỉ thun tiêu thụ nội địa, dịch vụ khách sạn, lưu trú: áp dụng thuế suất 10%

Một số nhóm hóa, dịch vụ của Công ty đang áp dụng mức thuế suất 10% được giảm còn 8% theo quy định của Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023, có hiệu lực từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được xác định như sau:

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.179.122.901	3.649.068.421
- Lợi nhuận từ Hoạt động sản xuất kinh doanh	10.179.122.901	(14.998.931.579)
- Lợi nhuận từ cổ tức nhận được từ nước ngoài	-	18.648.000.000
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(12.265.536.790)	2.548.574.963
Điều chỉnh tăng	4.178.800.626	5.712.310.157
- Chi phí không hợp lệ	4.112.246.626	416.558.600
- Chi thù lao hội đồng quản trị không chuyên trách	66.554.000	52.680.000
- Chi phí lãi vay chuyển khấu trừ kỳ sau	-	3.378.271.557
- Chi phí thuế đánh trên cổ tức chuyển về nước đã nộp tại Campuchia	-	1.864.800.000
Điều chỉnh giảm	(16.444.337.416)	(3.163.735.194)
- Hoàn nhập chi phí dự phòng đã loại trừ năm trước	-	(26.185.194)
- Hoàn nhập chi phí lãi vay đã loại trừ năm trước	(1.331.734.416)	-
- Cổ tức lợi nhuận được chia	(15.112.603.000)	(3.137.550.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	(2.086.413.888)	6.197.643.384
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(2.086.413.888)	(14.315.156.616)
- Thu nhập từ cổ tức nhận được từ nước ngoài	-	20.512.800.000
Thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	-	4.102.560.000
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh (20%)	-	-
- Thu nhập từ cổ tức nhận được từ nước ngoài (20%)	-	4.102.560.000
Thuế TNDN được miễn, khấu trừ thuế đã nộp ở nước ngoài	-	(4.102.560.000)
- Miễn thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài	-	(4.102.560.000)
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các diện tích đất đang sử dụng bao gồm đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp, đơn giá thuê đất ở mỗi địa bàn khác nhau có giá khác nhau.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Phải trả người lao động

	30/06/2024	01/01/2024
Tiền lương phải trả	32.387.970.634	39.194.944.018
Số dư cuối kỳ	32.387.970.634	39.194.944.018

Quỹ lương được xác lập hàng năm theo quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Văn phòng và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc	5.062.254.685	8.466.708.059
- Trích trước chi phí lãi vay	3.637.059.543	4.695.862.139
- Chi phí quản lý trồng xen	9.487.998	1.340.217.998
- Chi phí phải trả khác	1.415.707.144	2.430.627.922
Cụm khách sạn Dakruco	54.976.931	24.727.504
- Chi phí phải trả khác	54.976.931	24.727.504
Nhà máy chế biến Chỉ thun	276.281.394	150.000.000
- Chi phí xử lý chất thải nguy hại, nước thải sau sản xuất	165.000.000	-
- Chi phí đồng phục, giới thiệu sản phẩm	-	120.000.000
- Chi phí phải trả khác	111.281.394	30.000.000
Cộng	5.393.513.010	8.641.435.563

20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Doanh thu cho thuê đất trồng xen	16.844.409.829	14.060.814.397
Cộng	16.844.409.829	14.060.814.397

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Phải trả khác ngắn hạn, dài hạn**21.1. Ngắn hạn**

	30/06/2024	01/01/2024
Phải trả khác các bên liên quan	2.049.256.490	2.049.256.490
<i>(Xem thuyết minh số VIII.1)</i>		
Phải trả khác các đối tượng khác	90.455.539.976	83.923.420.439
- Phải trả về cổ phần hóa (*)	49.446.403.457	49.446.403.457
- Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk	20.000.000.000	17.600.000.000
- Tiền thôi việc	2.736.887.007	3.041.779.612
- Kinh phí công đoàn	2.704.011.462	2.094.886.185
- Tiền chậm nộp thuế các loại	12.178.235.414	8.188.498.424
- Nhận ký quỹ, ký cược	12.000.000	164.610.000
- Lãi huy động vốn cán bộ công nhân viên	12.593.802	14.656.802
- Phải trả khác	3.365.408.834	3.372.585.959
Cộng	92.504.796.466	85.972.676.929

(*) Công ty đã thực hiện điều chỉnh vốn điều lệ theo phương án cổ phần hóa và chuyển thành Công ty cổ phần đã được phê duyệt theo Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Ủy Ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk. Ngày 09/02/2020, UBND tỉnh Đắk Lắk đã có quyết định số 395/QĐ-UB về việc phê duyệt quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp, chi phí cổ phần hóa, chi phí giải quyết chính sách lao động dôi dư, quyết toán phần vốn nhà nước tại Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Theo đó, số tiền Công ty còn phải trả về cổ phần hóa là 49.446.403.457 đồng.

Chi tiết số dư phải trả về cổ phần hóa tại ngày 30/06/2024 như sau:

Chi tiết số dư phải trả về cổ phần hóa	Số tiền
Vốn Nhà nước tại 30/09/2016 (thời điểm định giá):	1.558.722.333.139
Giá trị Vốn Nhà nước phát sinh sau định giá đến thời điểm cổ phần (Từ 01/10/2016 đến 30/09/2018)	112.329.904.669
- Lợi nhuận sau thuế cho giai đoạn từ 01/10/2016 đến 30/09/2018	291.593.211.213
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn từ 01/10/2016 đến 30/09/2018	(63.880.553.359)
- Nộp các khoản thuế cho Công ty CP TMDL Bàn Đôn	(5.590.133.649)
- Chênh lệch tỷ giá	(64.559.157)
- Giá trị chênh lệch đánh giá tăng tương ứng với TSCĐ đã thanh lý từ khi xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	(109.591.760.379)
- Giá trị chênh lệch đánh giá tăng tương ứng với khoản đầu tư vào Công ty CP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn đã thanh lý từ khi xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	(136.300.000)
Vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần	1.671.052.237.808
Vốn điều lệ tại Công ty cổ phần	(1.558.000.000.000)
Thu tiền bán cổ phần cho người lao động chưa nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	3.788.527.250

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số dư phải trả về cổ phần hóa	Số tiền
Thu tiền bán cổ phần từ Sở giao dịch chứng khoán	20.000.000
Điều chỉnh khoản chênh lệch giá trị phải trả về CPH do KTTN tính nhầm	(53.610.717.872)
Thu nhập từ tiền bồi thường thu hồi thu hồi 43 ha khu dân cư Km7 (CV 1252/UBND-KT ngày 15/02/2019)	(3.207.359.400)
Phần chênh lệch giảm giữa giá trị đền bù cây cao su theo phương án bồi thường của UBND Huyện Cư M'gar so với giá trị doanh nghiệp đã được phê duyệt - Dự án: Điểm dân cư Buôn Gram B, Xã Ea Drong, Huyện Cư M'gar (QĐ số 741/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường ban hành ngày 28/03/2018 do UBND Huyện Cư M'gar phê duyệt)	(457.890.000)
Phần chênh lệch giảm giữa giá trị đền bù cây cao su theo phương án bồi thường của UBND tỉnh so với giá trị doanh nghiệp đã được phê duyệt - Dự án: Bến xe liên tỉnh Đắk Lắk (QĐ phê duyệt phương án bồi thường ban hành ngày 22/11/2017)	(481.052.043)
Phần chênh lệch giảm giữa giá trị đền bù cây cao su theo phương án bồi thường của UBND tỉnh so với giá trị doanh nghiệp đã được phê duyệt - Dự án: Trung tâm trưng bày – Kinh doanh – Bảo hành xe Thaco (QĐ phê duyệt phương án bồi thường ban hành ngày 22/11/2017)	(232.626.069)
Điều chỉnh giảm lợi nhuận sau thuế trước thời điểm chuyển sang Công ty CP theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước tại Biên bản ngày 10/09/2020	(1.458.403.117)
Thuế TNDN năm 2017 và 9 tháng năm 2018	(3.585.792.522)
Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của 9 tháng năm 2018	(1.023.190.839)
Chi phí không đủ cơ sở quyết toán vào chi phí cổ phần hóa	13.230.000
Các khoản chi phí cổ phần hóa	(3.370.559.739)
- Chi phí tổ chức bán cổ phần	(231.626.000)
- Chi phí thuê tư vấn xác định GTDN	(570.000.000)
- Chi phí thuê tư vấn xây dựng phương án CPH	(150.000.000)
- Thù lao ban chỉ đạo CPH và tổ giúp việc CPH	(193.000.000)
- Chi phí khác	(140.114.915)
- Chi chế độ lao động dôi dư	(2.042.930.424)
Phải trả về cổ phần hóa tại 30/06/2024	49.446.403.457

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK*Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk***BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)***Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)***21.2. Dài hạn**

	30/06/2024	01/01/2024
Phải trả khác các bên liên quan	-	-
Phải trả khác các đối tượng khác	87.793.138.422	87.871.378.422
- Quỹ khen thưởng phúc lợi phải trả cho NLĐ	54.655.211.872	54.655.211.872
- Công ty TNHH CB Thực phẩm hàng ngày Đà Lạt (*)	4.235.450.000	4.235.450.000
- Công ty cổ phần nông sản Sài Gòn - Ban Mê (*)	1.968.800.000	1.968.800.000
- Công ty TNHH Nông nghiệp Lâm Phong (*)	1.747.310.000	1.747.310.000
- Nguyễn Độ (*)	1.173.920.000	1.173.920.000
- Cơ sở kinh doanh nông sản Văn Hùng (*)	1.154.600.000	1.154.600.000
- Công ty CP Tâm An Đắk Lắk (*)	9.763.500.000	9.757.500.000
- Dương Đức Cường (*)	2.182.500.000	2.182.500.000
- Lưu Thanh Diệp (*)	1.178.520.000	1.178.520.000
- Các đối tượng khác	9.733.326.550	9.817.566.550
Cộng	87.793.138.422	87.871.378.422

(*) Nhận đặt cọc theo hợp đồng hợp tác kinh doanh nông nghiệp công nghệ cao, thời hạn 4 - 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn, dài hạn

22.1. Ngắn hạn

	Số đầu kỳ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn	167.731.815.134	157.487.102.896	(166.722.708.224)	158.496.209.806
Vay ngắn hạn bên liên quan (Xem thuyết minh số VIII.1)	-	-	-	-
Vay ngắn hạn bên khác	167.731.815.134	157.487.102.896	(166.722.708.224)	158.496.209.806
- Ngân hàng TMCP Công Thương Đắk Lắk (i)	77.945.841.502	69.582.587.832	(78.393.628.297)	69.134.801.037
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk (ii)	59.943.741.446	53.461.246.264	(53.486.847.741)	59.918.139.969
- Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố HCM - CN Đắk Lắk (iii)	15.000.000.000	15.000.000.000	(15.000.000.000)	15.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đắk Lắk (iv)	9.997.532.186	9.943.268.800	(9.997.532.186)	9.943.268.800
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Bắc Đắk Lắk (v)	4.844.700.000	9.500.000.000	(9.844.700.000)	4.500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	30.000.000.000	10.000.000.000	-	40.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả là bên liên quan (Xem thuyết minh số VIII.1)	30.000.000.000	10.000.000.000	-	40.000.000.000
Cộng	197.731.815.134	167.487.102.896	(166.722.708.224)	198.496.209.806

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng cho vay hạn mức số 24.85.2001/2024-HĐCVHM/NHCT502-DAKRUCO ký ngày 01/03/2024. Hạn mức vay không vượt quá 60.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến mủ cao su và cao su sợi chỉ thun. Lãi suất vay tùy từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ được ghi trong giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ vườn cây cao su tại Nông trường cao su Cư Kpô, Nông trường cao su Cuôr Đăng. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ vườn cây cao su tại Nông trường cao su Cư Kpô, Nông trường cao su Cuôr Đăng (Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.13).

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng tín dụng hạn mức số HĐ 01/2023/717996/HĐTD ký ngày 26/04/2023. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay tùy từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay dưới 12 tháng. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ vườn cây cao su tại Nông trường cao su Cư Mgar, Nông trường cao su 30/4 và Nông trường cao su Phú Xuân (Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.13).

1111 2222 3333 4444

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

(iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 16816/24MN/HĐTD ký ngày 13/05/2024. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh mủ cao su. Lãi suất vay tùy từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay dưới 12 tháng. Tài sản thế chấp tiền vay là cổ phiếu Công ty CP Dầu tư Cao su Đắk Lắk (Mã DRI) (Xem thuyết minh số V.14).

(iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 23/0505/AIJ.01/HĐHM ký ngày 11/05/2023. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay của hợp đồng là 10.000.000.000 đồng, lãi suất được xác định tùy từng thời điểm nhận nợ, thời hạn của mỗi khoản vay tối đa là 07 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân. Tài sản thế chấp tiền vay là số dư tiền gửi theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 190122/HĐTG/DRG ngày 19/01/2022 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 23/0505/AIJ.01/HĐSĐBSTG ngày 11/05/2023; Máy cân bằng JZH6000-25 theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 22/2401/AIJ.01/MMTB ngày 24/01/2022 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 23/0505/AIJ.01/HĐSĐBSMMTB ngày 11/05/2023; và 3.000.000 cổ phiếu được tự do chuyển nhượng của Công ty Cổ phần Dầu tư Cao su Đắk Lắk theo hợp đồng thế chấp số 22/2401/AIJ.01/TCCP ngày 24/01/2022 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 23/0505/AIJ.01/HĐSĐBSCP ngày 11/05/2023 (Xem thuyết minh số V.2, V.10, V.14).

(v) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 5219-LAV-2023.01177 ngày 22/09/2023. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất chi thun tại Chi nhánh Nhà máy chế biến chi thun, giai đoạn 2023-2024. Hạn mức cấp tín dụng là 5.000.000.000 đồng, thời gian duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng, lãi suất và thời hạn cho vay được xác định theo từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng cách thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV667770 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 31/12/2020 mang tên Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk theo hợp đồng thế chấp số 1409/2022/HĐTC ngày 14/09/2022 (Xem thuyết minh số V.10)

22.2. Dài hạn

	Số đầu kỳ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn	153.648.943.635	26.910.000.000	(38.814.424.800)	141.744.518.835
Công ty CP Dầu tư cao su Đắk Lắk (i)	73.000.000.000	7.000.000.000	-	80.000.000.000
Vay dài hạn của Cán bộ công nhân viên (iii)	80.648.943.635	19.910.000.000	(38.814.424.800)	61.744.518.835
Cộng	153.648.943.635	26.910.000.000	(38.814.424.800)	141.744.518.835
Trong đó				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	30.000.000.000			40.000.000.000
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	123.648.943.635			101.744.518.835

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIENG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

(i) Vay dài hạn Công ty Cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk theo Hợp đồng vay vốn:

- Hợp đồng vay vốn số 01/2022/HĐVV ký ngày 05/09/2022: Số tiền vay tối đa là 40.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn là phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Lãi suất cho vay tính 10%/năm tại thời điểm cho vay và được điều chỉnh theo lãi suất cho vay thả nổi của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong suốt thời hạn cho vay, thời hạn vay 24 tháng tính từ thời điểm giải ngân vốn vay cho từng lần vay. Bên vay sẽ cầm cố 5.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk mà Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk hiện đang sở hữu, cổ phiếu này đang được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán UPCOM và đang được lưu ký tại Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) (xem thuyết minh số V.14).
- Hợp đồng vay vốn số 01/2023/HĐVV ký ngày 22/05/2023: Số tiền vay tối đa là 40.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn là phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Lãi suất cho vay tính 10,5%/năm tại thời điểm cho vay và được điều chỉnh theo lãi suất cho vay thả nổi của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong suốt thời hạn cho vay, thời hạn vay 24 tháng tính từ thời điểm giải ngân vốn vay cho từng lần vay. Bên vay sẽ cầm cố 6.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk mà Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk hiện đang sở hữu, cổ phiếu này đang được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán UPCOM và đang được lưu ký tại Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) (xem thuyết minh số V.14).

(ii) Vay dài hạn cán bộ công nhân viên theo quyết định số 126/QĐ-CT ngày 29/03/2013, không quy định thời hạn vay cụ thể. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động cho Công ty CP Chỉ thun Cao su Đắk Lắk (nay là Chi nhánh Nhà máy chế biến chỉ thun - Công ty CP Cao su Đắk Lắk) nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay tính theo lãi suất ngân hàng tại từng thời điểm.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2024
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	33.416.909.233	10.778.007.348	(3.064.295.470)	41.130.621.111
Quỹ thưởng ban điều hành	1.244.908.440	290.697.498	(163.208.085)	1.372.397.853
Cộng	34.661.817.673	11.068.704.846	(3.227.503.555)	42.503.018.964

24. Vốn chủ sở hữu

24.1. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.558.000.000.000	15.024.783.404	35.520.851.599	1.608.545.635.003
Tăng trong kỳ	-	535.213.634	3.649.068.421	4.184.282.055
Giảm trong kỳ	-	-	(1.293.869.615)	(1.293.869.615)
Số dư cuối kỳ trước	1.558.000.000.000	15.559.997.038	37.876.050.405	1.611.436.047.443
Số dư đầu năm nay	1.558.000.000.000	31.558.179.038	56.012.753.493	1.645.570.932.531
Tăng trong kỳ	-	6.535.731.453	10.179.122.901	16.714.854.354
Giảm trong kỳ	-	-	(17.588.256.951)	(17.588.256.951)
Số dư cuối kỳ này	1.558.000.000.000	38.093.910.491	48.603.619.443	1.644.697.529.934

Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 28 tháng 06 năm 2024. Trích lập các quỹ với số tiền: 17.588.256.951 đồng, cụ thể:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 6.535.731.453 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10.761.828.000 đồng
- Trích quỹ thưởng cho người quản lý Công ty: 290.697.498 đồng

24.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Lắk	1.541.416.000.000	98,94%	1.541.416.000.000	98,94%
Các cổ đông khác	16.584.000.000	1,06%	16.584.000.000	1,06%
Cộng	1.558.000.000.000	100,00%	1.558.000.000.000	100,00%

24.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

24.4. Cổ phiếu

	30/06/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	155.800.000	155.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

24.5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2024	01/01/2024
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	56.012.753.493	35.520.851.599
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận năm trước	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ	10.179.122.901	21.785.771.509
Phân phối lợi nhuận	17.588.256.951	1.293.869.615
Phân phối lợi nhuận năm trước	17.588.256.951	1.293.869.615
- Trích quỹ đầu tư phát triển	6.535.731.453	535.213.634
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.761.828.000	578.788.150
- Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty	290.697.498	179.867.831
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	48.603.619.443	56.012.753.493

25. Tài khoản ngoài bảng

25.1. Ngoại tệ

Ngoại tệ	30/06/2024	01/01/2024
Ngoại tệ các loại		
USD	321.050,95	821.306,68
CAD	20,00	20,00

25.2. Tài sản nhận giữ hộ, vật tư hàng hóa nhận gia công

	Đơn vị tính	30/06/2024	01/01/2024
Nguyên liệu nhận gia công			
- Mủ nước	kg	8.309	-
- Mủ phụ	kg	110.291	-
Thành phẩm gia công hoàn thành			
- Mủ cao su	kg	39.060	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	30/06/2024		
Tài sản không cần dùng bàn giao về địa phương	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Cổng Km4 đường vào Nông trường Cư Kpô	827.045.270	(408.949.921)	418.095.349
- Nhà tập thể	273.368.165	(273.368.165)	-
Cộng	1.100.413.435	(682.318.086)	418.095.349

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**1a. Tổng doanh thu**

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Doanh thu bán mũ cao su	114.675.261.204	86.403.546.132
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch	10.422.446.915	10.008.176.712
Doanh thu sản phẩm chi thun	47.546.874.643	48.219.436.867
Doanh thu bán chuỗi	12.405.084.338	19.725.181.660
Doanh thu bán mít, dứa	532.260.500	550.505.400
Doanh thu cho thuê đất trồng xen	15.586.653.659	16.489.654.854
Doanh thu hoạt động khác	580.651.152	492.185.366
Cộng	201.749.232.411	181.888.686.991

1b. Doanh thu với các bên liên quan

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Doanh thu bán mũ cao su	-	697.737.600
Doanh thu cho thuê đất trồng xen	277.761.744	139.648.169
Doanh thu hoạt động khác	1.020.000	79.131.817
Cộng	278.781.744	916.517.586

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Hàng bán bị trả lại	-	183.227.800
Cộng	-	183.227.800

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Giá vốn bán mũ cao su	126.064.078.090	97.243.725.191
Giá vốn dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch	12.086.388.564	12.071.286.643
Giá vốn thành phẩm sợi chỉ thun	48.901.518.830	48.974.076.090
Giá vốn bán chuối	8.790.151.735	12.025.171.329
Giá vốn bán mít, dứa	2.141.808.053	1.548.303.777
Giá vốn hoạt động khác	298.915.366	530.456.376
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(609.402.933)	(1.614.706.155)
Cộng	197.673.457.705	170.778.313.251

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.112.603.000	21.785.550.000
Lãi thoái đầu tư vào công ty con	17.908.225.002	-
Lãi đầu tư cao su liên kết	1.055.343.069	45.046.286
Lãi chênh lệch tỷ giá	778.577.448	625.967.719
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	326.752.899	568.350.617
Cộng	35.181.501.418	23.024.914.622

5. Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Chi phí lãi vay	13.805.110.571	14.751.371.824
Thuế chuyển lợi tức	-	1.864.800.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	311.118.691	118.882.022
Chi phí tài chính khác	597.772.225	-
Cộng	14.714.001.487	16.735.053.846

6. Chi phí bán hàng

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Chi phí nhiên liệu, vật liệu, bao bì	741.096.866	563.197.447
Chi phí nhân viên bán hàng	97.905.607	90.272.091
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.115.092.906	5.163.980.198
Chi phí khác bằng tiền	527.129.898	1.171.851.066
Cộng	4.481.225.277	6.989.300.802

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	34.963.150	317.322.653
Chi phí nhân viên quản lý	3.350.227.468	4.523.403.768
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	499.858.365	498.311.994
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(28.979.194)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	320.438.991	286.917.332
Chi phí khác bằng tiền	3.353.361.908	5.240.453.576
Cộng	7.558.849.882	10.837.430.130

8. Thu nhập khác

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Lãi thanh lý cây cao su, nhượng bán tài sản	1.237.582.777	4.358.462.533
Quỹ bảo hiểm xuất khẩu cao su hỗ trợ	262.493.151	-
Thu nhập khác	372.864.960	462.708.397
Cộng	1.872.940.888	4.821.170.930

9. Chi phí khác

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Các khoản phạt và truy thu thuế, lãi chậm nộp	4.021.629.398	13.488.275
Các khoản khác	175.388.067	548.890.020
Cộng	4.197.017.465	562.378.295

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	89.351.504.328	81.121.487.811
Chi phí nhân công	56.777.529.318	46.784.707.524
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.689.559.721	24.117.826.851
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.274.680.088	11.631.857.177
Chi phí khác bằng tiền	6.887.678.314	6.931.904.377
Cộng	187.980.951.768	170.587.783.740

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu

Theo quy định tại mục 3.19 và 3.20 khoản 3 điều 113 của Thông tư số 200/2014/TT-BTC quy định chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính của

công ty cổ phần là doanh nghiệp độc lập. Đối với công ty mẹ là công ty cổ phần, chỉ tiêu này chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ. Đây là Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ do đó không trình bày số liệu của hai chỉ tiêu này.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: VND

1. Tiền thu từ đi vay

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	184.397.102.896	208.917.707.233
Cộng	184.397.102.896	208.917.707.233

2. Tiền trả nợ gốc vay

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	205.537.133.024	233.858.927.818
Cộng	205.537.133.024	233.858.927.818

VIII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: công ty con, các công ty mà Công ty đang đầu tư vốn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

1.1. Các bên liên quan

Tên Công ty	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk (DRI)	Công ty con
Công ty CP Cao su Daknoruco	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cao su Dak Lak - Moldulkiri	Công ty con
Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	Công ty liên kết
Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Công ty liên kết
Quỹ Tín dụng Cao su Đắk Lắk	Công ty liên kết
Công ty CP Cao su Thái Dương	Đầu tư dài hạn khác
Công ty TNHH Nông Nghiệp Công nghệ cao DRI	Công ty con của DRI

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

1.2. Giao dịch với các bên liên quan**Doanh thu với các bên liên quan**

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Doanh thu bán mủ cao su	-	697.737.600
Công ty CP cao su Thái Dương	-	697.737.600
Doanh thu cho thuê đất trồng xen	277.761.744	139.648.169
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI	277.761.744	139.648.169
Doanh thu khác	1.020.000	79.131.817
Công ty CP Kỹ thuật cao su	1.020.000	2.700.000
Công ty CP Cao su Daknoruco	-	51.641.817
Công ty CP Đầu tư cao su Đắk Lắk	-	24.790.000
Cộng	278.781.744	916.517.586

Giao dịch khác với các bên liên quan

Tên Công ty	Giao dịch	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Mua hàng			
Công ty CP Kỹ thuật cao su	Mua HHDV	2.245.279.680	1.276.388.427
Công ty TNHH MTV Cao su Dak Lak - Moldulkiri	Mua cao su	-	4.961.315.588
Giao dịch khác			
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk	Vay dài hạn	7.000.000.000	13.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk	Trả lãi vay	3.965.575.344	2.700.000.001
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk	Cổ tức được chia	14.625.000.000	-
Công ty CP kỹ thuật cao su	Cổ tức được chia	-	162.000.000
Công ty CP cao su Thái Dương	Cổ tức được chia	-	750.000.000
Công ty TNHH MTV Cao su Dak Lak - Moldulkiri	Cổ tức được chia	-	18.648.000.000
Quỹ tín dụng cao su Đắk Lắk	Cổ tức được chia	-	360.750.000

Số dư với các bên liên quan

Tên Công ty	30/06/2024	01/01/2024
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	3.757.574.500	3.757.574.500
Phải trả người bán		
Công ty CP kỹ thuật cao su	1.456.047.019	850.858.707
Công ty TNHH MTV Cao su Dak Lak - Moldulkiri	19.225.418.220	18.436.625.050
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty CP kỹ thuật cao su	3.708.285.759	-
Vay dài hạn		
Công ty CP đầu tư cao su Đắk Lắk	80.000.000.000	73.000.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn (lãi vay)		
Công ty CP đầu tư cao su Đắk Lắk	3.033.041.096	2.313.849.314
Phải trả ngắn hạn khác		
Công ty TNHH MTV Cao su Dak Lak - Moldulkiri	2.049.256.490	2.049.256.490

1.3. Thu nhập của Ban điều hành

Thành viên ban quản			Thu nhập 6 tháng đầu năm 2024		
STT	Lý, điều hành	Vị trí công tác	Tiền lương	Thù lao	Cộng
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	180.541.000	-	180.541.000
2	Bùi Quang Ninh	Tổng Giám đốc	172.501.000	-	172.501.000
3	Nguyễn Độ	Phó Tổng giám đốc	134.131.000	-	134.131.000
4	Nguyễn Minh	Phó Tổng giám đốc	144.844.000	-	144.844.000
5	Nguyễn Trần Giang	Kế toán trưởng	133.097.000	-	133.097.000
6	Nguyễn Văn Cúc	Thành viên HĐQT	-	30.214.000	30.214.000
7	Tạ Quang Tòng	Thành viên HĐQT	-	36.340.000	36.340.000
8	Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng ban kiểm soát	133.678.000	-	133.678.000
9	Phan Thanh Tân	Thành viên ban kiểm soát	75.058.000	-	75.058.000
10	Nguyễn Thị Mai Quyên	Thành viên ban kiểm soát	-	17.142.000	17.142.000
Tổng cộng			973.850.000	83.696.000	1.057.546.000

Thành viên ban quản			Thu nhập 6 tháng đầu năm 2023		
STT	Lý, điều hành	Vị trí công tác	Tiền lương	Thù lao	Cộng
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	152.364.000	-	152.364.000
2	Bùi Quang Ninh	Tổng Giám đốc	147.478.000	-	147.478.000
3	Nguyễn Độ	Phó Tổng giám đốc	114.048.000	-	114.048.000
4	Nguyễn Minh	Phó Tổng giám đốc	114.348.000	-	114.348.000
5	Nguyễn Trần Giang	Kế toán trưởng	114.048.000	-	114.048.000
6	Nguyễn Văn Cúc	Thành viên HĐQT	-	26.340.000	26.340.000
7	Nguyễn Văn Nam	Thành viên HĐQT	-	26.340.000	26.340.000
8	Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng ban kiểm soát	112.649.000	-	112.649.000
9	Phan Thanh Tân	Thành viên ban kiểm soát	64.800.000	-	64.800.000
10	Nguyễn Thị Mai Quyên	Thành viên ban kiểm soát	-	16.200.000	16.200.000
Tổng cộng			819.735.000	68.880.000	888.615.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán (riêng) là số liệu trên Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (riêng) và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (riêng) là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023. Các báo cáo tài chính trên đã được kiểm toán và soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

3. Thông tin khác

Ngày 17/04/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đắk Lắk đã có quyết định số 104/QĐ-CSĐT về việc khởi tố bị can đối với ông Bùi Quang Ninh, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk về tội: Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí xảy ra năm 2002-2012 tại Công ty cao su Đắk Lắk (trước khi cổ phần hóa). Đến nay, sự việc vẫn chưa có kết luận cụ thể.

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng Quản trị Công ty đã có Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 15/08/2024 về miễn nhiệm cán bộ. Theo đó, miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc với ông Bùi Quang Ninh kể từ ngày 15/08/2024. Cùng ngày, Hội đồng Quản trị Công ty đã có Quyết định số 19/QĐ-HĐQT bổ nhiệm ông Nguyễn Minh – Phó Tổng Giám đốc Công ty giữ chức vụ Tổng Giám đốc và người đại diện theo pháp luật thứ hai của Công ty kể từ ngày 15/08/2024, thời hạn bổ nhiệm theo thời hạn của Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Người lập biểu



LÊ THANH BÌNH

Kế toán trưởng



NGUYỄN TRẦN GIANG

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 08 năm 2024



Tổng Giám đốc

NGUYỄN MINH



